Kết Nối

Hỗ trợ cộng đồng cải thiện môi trường

Bản tin nội bộ của Quỹ Môi trường Sida ● Số 21 Quý 1 Năm 2006

TRONG SỐ NÀY

02 Vài kỷ niệm về cố Giáo sư Lê Quý An

04 Trò chuyện với anh Nguyễn Văn Long

06 Nhìn lại 2005: Thêm những đốm lửa được thắp lên

08 Vai trò của cộng đồng trong công tác BVMT

11 Người phụ nữ Sán Dìu tham gia công tác bảo vệ môi trường

14 Internet và cơ hội cho bà con nông dân

Quỹ Môi trường Sida (SEF) là Quỹ tài trợ nhỏ do Chính phủ Thụy Điển hỗ trợ chính thức cho Việt Nam thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Thụy Điển (Sida) và Đại sứ quán Thụy Điển tại Hà Nội. Quỹ được thành lập và bắt đầu chính thức hoạt động từ tháng 7/1997 nhằm hỗ trợ các sáng kiến địa phương trong công tác bảo vệ môi trường và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Sau hơn 8 năm hoạt động Quỹ đã có những đóng góp tích cực tới hoạt động BVMT ở cơ sở và nâng cao vai trò của các tổ chức xã hội.

Tuy nhiên, gần đây có một số khái niệm mới và những đề xuất về xã hội dân sự đã được đặt ra đối với các Quỹ nhỏ của Sida tại Việt Nam. Do vậy, Quỹ Môi trường Sida tiếp tục được hỗ trợ trong thời gian 18 tháng (1/2006 - 6/2007) để góp phần thúc đẩy sự hình thành và phát triển xã hội dân sự trong lĩnh vực phát triển bền vững môi trường ở Việt Nam.

Theo định hướng mới này, có một số thay đổi trong các hạng mục và nội dung hoạt động của Quỹ. Trước hết, văn phòng Nhóm Cố vấn đã có sự thay đổi đáng kể về mặt nhân sự với bốn gương mặt mới xuất hiện. Trên nguyên tắc tự nguyện, các thành viên của Nhóm cố vấn được mời là đại diện từ các tổ chức khác nhau để giúp Sứ quán điều hành Quỹ với trách nhiệm theo dõi và giám sát các dự án ở các vùng địa lý khác nhau trên cả nước. Trong giai đoạn này, đối tượng được nhận dự án sẽ được mở rộng và đa dạng hơn bao gồm các tổ chức cộng đồng, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự khác. Ví dụ những nhóm người sử dụng tài nguyên, nhóm cùng sở thích, câu lạc bộ, hợp tác xã nhỏ, cộng đồng thôn bản,…. Và đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ dự án tuy vẫn là những người dân ở cơ sở nhưng có sự ưu tiên cho những nhóm người nghèo, nhóm người chịu thiệt thòi ít có cơ hội hoặc khả năng để tiếp cận với các nguồn lực. Hơn nữa, quy mô của dự án cũng có sự thay đổi lớn tuy thời gian thực hiện dự án vẫn trong vòng một năm. Trước đây, kinh phí tối đa cho 1 dự án là 6.000 đô la Mỹ thì trong giai đoạn này kinh phí tối đa sẽ tăng lên là từ 7.000 - 10.000 đô la Mỹ nếu là dự án cấp cộng đồng và từ 10.000 - 15.000 đô la Mỹ nếu là dự án do tổ chức phi chính phủ quản lý.

Bên cạnh việc nâng cao nhận thức môi trường và khuyến khích sự tham gia của người dân ở cơ sở vào hoạt động BVMT và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững, Quỹ còn đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ hình thành và phát triển các tổ chức/nhóm cộng đồng. Ngoài ra, Quỹ cũng rất quan tâm hỗ trợ việc tạo thành mạng lưới và điều kiện thuận tiện cho việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm giữa các tổ chức/nhóm người liên quan và những người quan tâm cũng như việc hỗ trợ cho quá trình vận động chính sách ở cơ sở thông qua việc thiết lập quan hệ đối tác và khuyến khích đối thoại giữa các nhóm quyền lợi khác nhau để có thể tìm được tiếng nói chung.

Hy vọng rằng, thông qua các hoạt động của các dự án và của Quỹ nhận thức cũng như năng lực của các tổ chức/nhóm cộng đồng này sẽ được tăng cường nhằm góp phần giải quyết tốt hơn các vấn đề môi trường liên quan đến cuộc sống của chính họ và cả cộng đồng. Và với kết quả sẽ đạt được từ việc chuyển đổi này có thể tạo đà cho Quỹ trong giai đoạn tiếp theo.

Vài kỷ niệm về cố Giáo sư, Tiến sĩ Lê Quý An

Võ Đình Thanh

Giữa năm 1997, theo lời mời của Đại sứ quán Thuỵ Điển tôi được vinh hạnh cùng làm việc với cố Giáo sư Lê Quý An trong Nhóm cố vấn (AG) của Quỹ Môi trường Sida. Lúc đó tôi là anh lính mới trong ngành môi trường. Được làm việc trực tiếp với Giáo sư làm tôi rất hãnh diện nhưng cũng rất lo vì tôi còn quá trẻ. Mà GS. Lê Quý An thì nguyên là thứ trưởng phụ trách ngành môi trường và lại lớn hơn tôi đến 40 tuổi! Nhưng trong các phiên làm việc, hai nỗi lo của tôi đã tự nhiên biến mất. Ông điều khiển các phiên họp AG và xem tôi như mọi người AG khác và là một thành viên của nhóm cố vấn. Tất cả các ý kiến về nội dung công việc, hoạch định chính sách hoạt động của Quỹ đều được tôn trọng và trao đổi nghiêm túc. Trong suốt thời gian hoạt động, tôi luôn được GS khuyến khích tham gia, và giao quyền để tôi và văn phòng AG thực hiện. Cũng nhờ vậy, tôi có thêm điều kiện để tham gia các hoạt động và xây dựng khả năng làm việc bao quát, tính tổng hợp, khả năng phân tích các hiện tượng và chính sách xã hội. GS luôn nhắc nhở tôi "hỗ trợ cộng đồng không chỉ quan trọng cho cộng đồng cụ thể mà là điều rất quan trọng cho phản ánh và xây dựng chính sách, nhưng cần phải có phương pháp, năng lực và có tâm mới làm được".

Trong kỳ họp đầu tiên của AG, GS đã nói thẳng với mọi người, "Lúc về nghỉ hưu, bác có nhiều việc để làm, nhưng bác nhận lời giúp Đại sứ quán Thuỵ Điển hình thành và quản lý quỹ môi trường vì đây là quỹ duy nhất ở Việt Nam sẽ hỗ trợ trực tiếp người dân ở thôn, bản, vùng sâu, vùng xa trực tiếp đề xuất sáng kiến, quản lý toàn bộ hoạt động và kinh phí và là đối tượng hưởng lợi trực tiếp của các hoạt động đó. Do tính chất của Quỹ, tất cả các AG là những người rất có kinh nghiệm trong hoạt động hỗ trợ cộng đồng, và Bác rất mong mọi người sẽ đóng góp cho hoạt động của Quỹ".

Sau gần 7 năm làm việc với GS cho đến lúc tôi đi học, GS An luôn bận rộn với hàng trăm cuộc hội thảo, các nghiên cứu với các cơ quan chính sách của nhà nước ta và các tổ chức quốc tế. Cho đến lúc GS đã lâm bệnh, 5 tháng trước khi GS mất, có tổ chức còn gửi thư mời GS chủ trì hội nghị khu vực Châu Á. Tuy nhiên, hoạt động của Quỹ luôn là ưu tiên hàng đầu trong chương trình làm việc của GS. Quỹ môi trường Sida, dưới sự hướng dẫn của GS đã luôn tự điều chỉnh và hoàn thiện các hoạt động để hình thành và duy trì tầm nhìn của GS là một quỹ "vì dân" với sự chú ý đặc biệt là nâng cao năng lực và trao quyền cho người dân và các tổ chức cộng đồng cấp thôn, bản quản lý hoạt động của dự án do SEF tài trợ.

GS luôn nhắc nhở các AG về nguyên tắc "vì dân" đó trong hoạt động: Hoạt động có thực tế, phù hợp không? Công nghệ chuyển giao có thích hợp với người dân, văn hoá địa phương không? Tài liệu có gần gũi và dùng được cho người dân không? Thỉnh thoảng GS cũng đi kiểm tra một số các dự án ở các khu vực. Trong các kỳ này, cách làm việc và nói chuyện của ông với người dân rất dân dã, dễ hiểu. Tôi nhớ khi đến dự lễ tổng kết của Trường dân tộc nội trú Dak Lak về thực hiện dự án SEF về giáo dục môi trường cho học sinh. Thay vì phát biểu ý kiến, mọi người thấy bất ngờ khi GS đứng trước hàng trăm học sinh của trường và hỏi rất to rằng các em ở đây có ai đã từng vứt rác ra đường, có ai thấy vòi nước chảy mà không khoá, có ai ngắt lá, bẻ cành cây…. Cứ như thế những câu trả lời đồng thanh "Có" hay "Không" của các em nhỏ vang lên đã để lại một ấn tượng khó phai mờ về phong cách làm việc của ông. Anh chị em AG luôn nhắc nhau: Không biết bao giờ mình mới làm được điều như GS - năng động, mềm dẻo, hợp tình, hợp cảnh với mọi đối tượng trong công việc và cuộc sống.

GS. Lê Quý An với tôi còn là một tấm gương học tập và làm việc không mệt mỏi. Là một anh chuyên viên tỉnh lẻ, tôi thích đọc sách. Nhưng sách chuyên môn của ngành tôi ở chỗ tôi đâu có nhiều, nên tôi rất chú ý đến tiếp cận thông tin chuyên môn. GS An là một trong những nguồn thông tin người chỉ dẫn chuyên môn của tôi. Trước mỗi kỳ họp, thường tôi phải bay ra Hà Nội sớm, đến văn phòng AG sớm. Lần nào GS cũng luôn dành cho tôi vài chục phút trao đổi về chuyên môn và các vấn đề liên quan đến các vấn đề quản lý tài nguyên thiên nhiên của khu vực và toàn cầu. Vốn là một chuyên gia hàng đầu của khu vực châu Á, lại là nhà quản lý ở cương vị cao của quốc gia, các buổi trò chuyện chuyên môn của GS đã giúp tôi rất nhiều trong định hướng công tác và nghiên cứu của tôi sau này.

Tuy là một quan chức cao cấp của nhà nước trong một thời gian dài, nhưng ít ai ngờ rằng ông và gia đình ông (vợ, con trai và con dâu) lại đang sống trong một căn hộ chật hẹp 3 buồng. Phòng khách của ông vừa là phòng làm việc, muốn tiếp khách phải dọn dẹp hết mọi giấy tờ máy móc đang làm qua một bên. Đến hôm vừa rồi trở lại Việt Nam, đến viếng bàn thờ ở gia đình ông, vẫn ngôi nhà nhỏ đó, ngày nào ông tiếp vợ chồng tôi. Bây giờ ông vẫn đó, như một tấm gương cho thế gian về đạo làm người trong sạch, giản dị, cầu tiến. GS Lê Quý An thực sự là một nhà khoa học, một người lãnh đạo có tài, tầm vóc và có tâm lớn vì dân, vì nước.

Những gương mặt mới của nhóm cố vấn

Anh Lý Hòa Khương

Kỹ sư Lý Hòa Khương là cán bộ của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sóc Trăng. Anh Khương tốt nghiệp Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh năm 1987. Sau đó, anh đã làm việc ở Lâm Trường Phú Tân (tỉnh An Giang), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Sóc Trăng, Dự án Phát triển và bảo vệ đất ngập nước ven biển phía Nam trước khi về công tác tại Chi cục Kiểm lâm. Anh Khương có nhiều kinh nghiệm tham gia các dự án trong nước cũng như quốc tế trong lĩnh vực phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường, và bảo tồn thiên nhiên ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

Anh Nguyễn Huy Hiển

Nhà báo Nguyễn Huy Hiển hiện công tác tại Báo Thừa Thiên – Huế. Ngoài cương vị nhà báo, anh Hiển còn tham gia nhiều công tác xã hội giúp đỡ các cộng đồng vùng sâu, vùng xa tại khu vực Thừa Thiên – Huế. Anh tốt nghiệp trường Đại học Thủy sản Nha Trang năm 1999 và Phân viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2005.

Anh Trịnh Lê Nguyên

Anh Trịnh Lê Nguyên công tác tại Trung tâm Con người và Thiên nhiên – một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững. Anh Nguyên tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Vinh năm 1999 và đã có 7 năm kinh nghiệm làm việc trong các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước.

Chị Nguyễn Việt Hòa

Chị Nguyễn Việt Hòa công tác tại Văn phòng nhóm cố vấn Quỹ Môi trường SIDA với vai trò kế toán và hỗ trợ về mặt hành chính cho các dự án do Quỹ tài trợ. Chị Hòa tốt nghiệp chuyên nghành kế toán tại Viện Đại học Mở Hà Nội năm 2005.

Trò chuyện với anh Nguyễn Văn Long, cố vấn SEF khu vực Bắc Trung Bộ

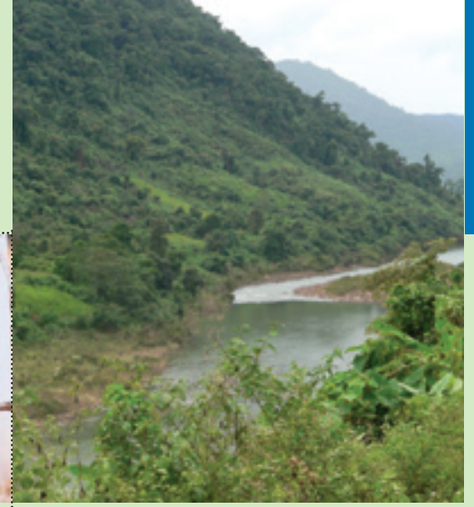

Chào anh Long! Rất vui được nói chuyện với anh. Xin anh giới thiệu qua một chút về bản thân?

Tôi vốn là con nhà học tự nhiên. Thi đại học vào năm 1980 thời điểm các nước XHCN đang vứng mạnh nên được cử đi du học tại Nga. Thời đó chỉ có duy nhất con đường nhà nước thôi. Thời gian 6 năm tại Mátx-cơ-va tôi học tại trường MADU (Tiếng Việt ta gọi là Trường Đường - Ôtô Mát) Học xong xin về quê hương vì tôi vốn rất yêu thành phố Vinh (đến bây giờ tình yêu này vẫn con nguyên vẹn nhưng có phần chín chắn hơn). Sáu năm làm tại ngành giao thông cho tôi một hiểu biết nhất định về đời sống của cộng đồng dân cư tại các vùng miền trong tỉnh Nghệ An. Năm 1995 theo yêu cầu của tổ chức tôi được điều động về công tác tại Tỉnh uỷ Nghệ An theo dõi các hoạt động về khoa học – công nghệ và môi trường. Năm 2005, một lần nữa lại thay đổi cơ quan làm việc - lần này trở về với công tác giáo dục tại Trường Chính trị của tỉnh với nhiệm vụ là quản lý hoạt động khoa học, thông tin và thư viện. Như vậy là qua 17 năm công tác, tôi đã làm việc tại 3 cơ quan khác nhau nhưng mối quan hệ trong công việc có rất nhiều điểm tương đồng. Đó là khoa học, công nghệ, môi trường.

Anh bắt đầu tham gia với SEF từ khi nào?

Tôi bắt đầu làm việc cho SEF từ cuối năm 2003. Trước đó (vào năm 2001) đã có lời đề nghị nhưng do đang theo học trên đại học nên không thể tham gia.

Tại sao anh nhận lời làm cố vấn cho SEF?

Là một người rất sát với đời sống của cộng đồng các dân cư sống trên địa bàn của tỉnh Nghệ An nên tôi rất rõ về những nhu cầu của họ. Có thể nói trong thời gian vừa qua đã có rất nhiều thay đổi theo chiều hướng tốt. Tuy nhiên để đạt được những thành tựu đó chúng ta đã đánh đổi quá nhiều thứ và điều có thể nhận rõ nhất là suy thoái môi trường. Cần phải khẳng định rằng các cấp lãnh đạo và cộng đồng dân cư đã hiểu rất rõ về vấn đề này nhưng giải quyết như thế nào lại là một bài toán nằm ngoài khả năng của địa phương (đặc biệt là cấp xã). Tôi rất tâm đắc một câu nói "tồn tại hay không tồn tại". Muốn nói muốn làm bất cứ điều tốt đẹp nào trước hết cần phải giải quyết vấn đề trước mắt là phải tồn tại. Muốn tồn tại trong một hoàn cảnh như hiện nay thì rất nhiều nới vẫn biết là mình đã xâm phạm vào tài sản của con cháu mai sau. Thế nhưng biết là một chuyện mà làm lại là một chuyện rất khác. Trước đây vấn đề môi trường dường như chỉ bức xúc với nơi đô hội, thì ngày hôm nay nó đã gõ cửa đến nhưng nơi thật sự hẻo lánh và có trên tất cả các phương diện khác nhau (rác thải, nước sinh hoạt…). Cần phải làm điều gì đó để giải quyết vấn đề này! Liệu có phải tất cả nhưng vấn đề đó có vượt quá sức của cộng đồng hay không? Liệu có vấn đề gì người dân có thể tự giải quyết nếu có một tác động hợp lý và đúng chỗ? Xuất phát từ ý nghĩ thường trực đó tôi đã rất hạnh phúc khi nhận được lời đề xuất tham gia vào nhóm cố vấn của quỹ. Tôi đã hy vọng và hy vọng đó đã trở thành hiện thực là tham gia vào quỹ sẽ đóng góp một phần rất nhỏ vào giải quyết cho một số địa phương nào đó vấn đề này.

Trong suốt thời gian làm cố vấn cho SEF, anh có ấn tượng với những dự án nào?

Trong suốt thời gian làm dự án đã có khá nhiều dự án để lại cho tôi những ấn tượng và kỷ niệm khó quên: Về dự án thành công ngoài dự kiến: Dự án về cải tạo môi trường tại một vùng giáo xứ Bình Thuận, xá Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Có rất nhiều điều có thể nói về dự án này. Tuy nhiên tôi có thể bắt đầu từ câu nói của một số chị em nội trợ: chúng tôi xin nhờ xóm trưởng cảm ơn các ông SEF đã giải phóng khỏi cực hình trong nấu nướng phục vụ gia đình và cứu cho cho chúng tôi một vụ mùa khỏi sự thất bát. Ở đấy có hai vấn đề thành công: Thứ nhất là cách tiếp cận: Mặc dù trên địa bàn của huyện đã triển khai xây dựng mô hình về xây dựng hầm khí bioga (mỗi hầm được hỗ trợ 1.000.000đ) nhưng do người dân hoàn toàn không có bất cứ một thông tin nào về vấn đề này nên việc triển khai rất khó khăn. Đối với những vùng điều kiện kinh tế eo hẹp người dân hoàn toàn không quan tâm vì để hoàn thành mỗi hầm cần đầu tư thêm 1.500.000đ (một khoản rất lớn trong khi không biết tác dụng cụ thể của nó là gì). Cách tiếp cận của SEF đã giải quyết được vấn đề này. Trước hết dự án đã họp các hộ dân, trình bày các ưu, nhược điểm. Sau đó, yêu cầu các hộ có điều kiện đăng ký. Thứ hai là cách triển khai: Để các hộ này yên tâm với sự góp vốn đầu tư, cố vấn SEF và ban quản lý liên hệ chuyên gia tiến hành làm thử. Toàn bộ kinh phí do dự án bỏ ra. Nếu phát huy hiệu quả gia đình phải trả lại cho dự án 1.500.000đ, quỹ hỗ trợ 1.250.000đ. Mô hình đầu tiên phát huy hiệu quả và tất cả các hộ đã đăng ký còn lại ngay lập tức tiến hành triển khai. Thắng lợi lớn hơn là sau khi 6 mô hình đã hoàn thành, địa bàn triển khai dự án đã đăng ký nhận toàn bộ số tiền của dự án của tỉnh về vấn đề này và đồng loạt xây dựng. Chỉ trong 4 tháng trên 3 xóm triển khai mô hình của SEF đã có 16 hầm, cơ bản giải quyết được vấn nạn thải phân súc vật ra môi trường. Thắng lợi ban đầu này đã kích thích tất cả các hoạt động khác có và không có trong dự án về vấn đề môi trường thực hiện ngay trên địa bàn. Cho đến nay vấn đề nước sạch về cơ bản đã được giải quyết, vệ sinh làng xóm trở thành thói quen…. Và các vùng lân cận đang tìm cách học hỏi để triển khai. Với một nguồn đầu tư hơn 70 triệu nhưng giải quyết được rất nhiều vấn đề như đã nêu quả là một thắng lợi rất đáng khích lệ. Nếu cố vấn của SEF có bất chợt đến thăm chắc sẽ nhận được sự đón tiếp chân tình của người dân địa phương. Về dự án có thể coi là thất bại: Dự án tại một trường trung học cơ sở tại xã Tràng Sơn - Đô Lương. Khi dự án kết thúc được 2 năm một lần công tác ghé qua tôi đã làm việc với Ban Giám hiệu. Do có thay đổi nhân sự nên toàn Ban Giám hiệu mới đều không cho biết thông tin về dự án. Trên thực tế hầu như không có dấu vết nào để lại cho ta biết tại đây đã có sự hiện diện của SEF. Tôi đã không muốn và không điều kiện để tìm hiểu nguyên nhân nhưng do những băn khoăn day dứt về điều này nên cuối cùng được biết. Dự án do một người không nắm vững thực tế của nhà trường xây dựng, các hoạt động do "trên trời chỉ xuống", ít liên quan đến thực tế của nhà trường. Việc Ban dự án quan tâm nhất là hoàn thành các hoạt động để tiêu hết tiền, có báo cáo, hoàn thành thủ tục cần thiết.

Anh có thể kể một kỷ niệm của anh với SEF được không?

Làm việc với các anh chị trong SEF không nhiều vì chỉ có xuân thu nhị kỳ mới gặp nhau. Thế nhưng có thể nói tất cả các anh chị trong nhóm đều để lại những ấn tượng khá đặc biệt. Có thể nói từng con người một có những tính cách riêng, lối suy nghĩ riêng. Điều rất hay là ở chỗ cả nhóm khi họp lại đều có thể phát huy được thế mạnh của mình. Sự đối chọi gần như không nhiều lắm. Tất cả những cá tính đều có ý nhiữa bổ sung cho sự hoàn thiện. Kỷ niệm khó quên của tôi là những ngày làm việc tại Thuỵ Điển với Bác Lê Quý An. Tôi không thể hình dung một con người với tài năng đó, sức khoẻ đó lại có thể nhiệt tâm đến như vậy trong các hoạt động của SEF. Khi xuống xe từ Kantsat về Stockhom bác gần như kiệt sức phải dựa chúng tôi để đi. Thế mà tất cả những buổi làm việc đều được bác dành sự quan tâm đầu tư hết sức.

Nhìn lại 2005:
Thêm những đốm lửa được thắp lên

ThS. Hoàng Thanh Tâm

Trong 6 tháng cuối năm 2005, do được Sida quyết định cho kéo dài hoạt động nên SEF đã tiếp tục xét duyệt được 20 dự án trên cả nước. Cho đến nay, tất cả các dự án đều đã hoàn thành và đạt được một số kết quả đáng kể tại các địa phương. Nhiều dự án đã trở thành những điểm sáng rất đáng chú ý và tạo thêm những nét mới cho hoạt động của SEF.

Với mục tiêu đúc rút các kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình tốt để mang lại hiệu quả lớn hơn và bền vững, SEF đã tiếp tục hỗ trợ cho một số dự án thành công ở một số địa phương như: dự án SEF/10/05 ở Tam Đảo, SEF/12/05 ở Thái Bình, SEF/13/05 ở Nghệ An và SEF/18/05 ở Cà Mau. Từ kết quả dự án SEF/2/99 ở xã Hồ Sơn với 1 câu lạc bộ của Phụ nữ yêu môi trường ra đời và hoạt động hiệu quả đã được nhân lên thành 11 câu lạc bộ trong dự án SEF/10/05 tại 4 xã của huyện Tam Đảo. Tại những câu lạc bộ này, các nhóm chị em phụ nữ dân tộc có cơ hội giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống gắn với bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển bền vững vùng đệm Vườn Quốc gia Tam Đảo. Còn ở Thái Bình, nơi có phong trào học tập cộng đồng phát triển với sự hỗ trợ của SEF từ dự án SEF/06/03 đến SEF/12/05 thì năng lực giảng dạy về vấn đề môi trường của các Trung tâm Học tập Cộng đồng (TT.HTCĐ) trong toàn tỉnh đã được lồng ghép và nâng cao. Thông qua hình thức học tập không chính quy tại các TT. HTCĐ này người dân có thể cần gì học nấy cùng với và các mô hình về BVMT tại mỗi xã điểm của từng huyện, thành phố trong tỉnh góp phần thúc đẩy thực hiện xã hội hóa công tác môi trường tại địa phương. Với ba phóng sự truyền hình và hội thảo trong dự án SEF/13/05 đã tổng kết được một số kinh nghiệm hay của các dự án SEF ở khu vực Bắc Trung Bộ nhằm nâng cao năng lực quản lý, BVMT và phát triển bền vững tại các cộng đồng dân cư vùng nông thôn Nghệ An.

Sau chuyến đi khảo sát và tập huấn tại Thụy Điển của Nhóm Cố vấn năm 2004 có một số kinh nghiệm hay đã được áp dụng trên cơ sở các sáng kiến đề xuất có điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và tình hình Việt Nam. Chẳng hạn, để hỗ trợ cho việc xây dựng chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam (cấp trung ương và 1số tỉnh) do Chính phủ Thụy Điển tài trợ thì dự án SEF/09/05 ở Ninh Bình đã nâng cao được nhận thức về phát triển bền vững và năng lực xây dựng chương trình Nghị sự 21 cấp địa phương ở cấp huyện và có thể tiến tới cấp xã trong tương lai. Còn với SEF/19/05 đã có một số hộ ở thôn Tằng My, Đông Anh, Hà Nội áp dụng quy trình ứng dụng canh tác hữu cơ để sản xuất rau sạch và tự công bố nhãn sinh thái của riêng mình, bước đầu đã đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường và được người tiêu dùng chấp nhận. Hơn nữa, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt đối với dịch vụ thức ăn đường phố ở 8 phường trọng điểm ở Hà Nội cũng được chính quyền, các cơ quan chức năng, các hộ kinh doanh và người tiêu dùng quan tâm hơn thông qua dự án SEF/05/05.

Một loạt các dự án như: SEF/01/05, SEF/02/05, SEF/03/05, SEF/04/05, SEF/06/05, SEF/14/05, SEF/15/05 và SEF/20/05 đã góp phần phát triển mạng lưới và tăng cường năng lực cho các tổ chức trong lĩnh vực giáo dục môi trường thông qua hình thức tập huấn, hội thảo, diễn đàn, biên soạn và phát hành các ấn phẩm về môi trường. Đặc biệt phải kể đến một số dự án như: SEF/01/05 với ấn phẩm Rừng xanh 22 với chủ đề "Môi trường đô thị" đã giúp các độc giả chủ yếu là các em học sinh ở các trường học tại một số thành phố, thị xã lớn trên cả nước thấy được một bức tranh tổng quát về môi trường đô thị và những vấn đề lớn về môi trường mà các đô thị đang phải đối mặt. SEF/02/05 đã biên soạn và phát hành 2 cuốn sách các trò chơi, những bài hát và kịch bản truyền thông cho thiếu nhi về BVMT - đây là bộ tài liệu công cụ hỗ trợ cho hoạt động GDMT ở các nhà văn hóa thiếu nhi. Nhằm duy trì và phát triển bền vững mô hình giáo dục bảo tồn thông qua hình thức Trại thiên nhiên, SEF/15/05 không chỉ tăng cường năng lực cho chính bản thân các thành viên Chi hội Bảo tồn thiên nhiên mà còn cho các câu lạc bộ "Trại thiên nhiên" mới ra đời tại các trường THCS của 4 huyện tỉnh

Thừa Thiên - Huế. Ngoài ra, SEF/03/05 với cuốn "Sổ tay hướng dẫn công tác truyền thông môi trường" đã giúp các thành viên của mạng lưới những người làm công tác giáo dục, đào tạo và truyền thông môi trường có thêm những công cụ, tài liệu để nâng cao nghiệp vụ truyền thông của mình. Còn với SEF/04/05 kỹ năng tuyên truyền và viết về môi trường của các phóng viên của Báo Khoa học và Đời sống cũng được cải thiện qua những buổi hội thảo và thâm nhập thực tế. Thêm vào đó, với chuyên mục "Cộng đồng và Môi trường" và phát động cuộc thi viết về chủ đề này của Báo đã thu hút được sự quan tâm của bạn đọc cũng như sự hưởng ứng của nhiều cây bút chuyên và không chuyên khắp cả nước.

Một số vấn đề mang tính thời sự về môi trường cũng được SEF quan tâm và hỗ trợ, như dự án SEF/07/05 thông qua hội thảo quốc gia với 130 đại biểu trong toàn quốc cùng với 1 số chuyên gia môi trường quốc tế và khu vực đã đưa ra một số kiến nghị với Nhà nước và các ngành có liên quan về vấn đề "Vai trò của hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô trong việc giảm nhẹ tác động của đại dương đến môi trường". Khi được UNESCO công nhận 5 huyện ven biển thuộc 3 tỉnh Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình là Khu dự trữ sinh quyển đồng bằng sông Hồng, SEF/08/05 đã kịp thời tập huấn về "Vai trò của rừng ngập mặn và khu dự trữ sinh quyển đối với cộng đồng ven biển" cho các giáo viên cốt cán của 5 huyện ven biển - đây là đối tượng tuyên truyền giáo dục hiệu quả nhất, bởi vì giáo viên và học sinh là cầu nối, mắt xích quan trọng giữa gia đình và xã hội. Ngoài ra, với SEF/11/05 thì đồng bào dân tộc H'Mông ở Lào Cai và SEF/17/05 thì đồng bào dân tộc Ê Đê ở Tây Nguyên cũng có điều kiện để nâng cao nhận thức và cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường phù hợp với điều kiện và tập quán của riêng mình. Thông qua dự án SEF/16/05 thì cộng đồng người dân, đặc biệt là phụ nữ và những ngư dân nghèo ở xã Vạn Hưng, Vạn Ninh, Khánh Hòa có cơ hội được thảo luận, trao đổi và điều hành các dịch vụ du lịch sinh thái theo các nhóm khác nhau nhằm tạo sinh kế bền vững và tiến tới tham gia vào quá trình "đồng quản lý" nguồn lợi ven biển có hiệu quả dựa trên việc tăng cường hợp tác giữa thành phần liên quan.

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ks. Lý Hoà Khương

Trong những năm qua với sức ép lương thực, thực phẩm để nuôi sống số dân ngày càng gia tăng và do nhu cầu xuất khẩu các loại nông, lâm, thủy sản, cho nên nhiều nơi đã chú trọng đến việc cải tạo các vùng nguyên liệu phục vụ cho xuất khẩu. Vì thế đã khai thác tài nguyên thiên nhiên bất hợp lý để phục vụ cho lợi ích trước mắt gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường. Chính điều này đã mang lại hậu quả do thiên nhiên "trả đũa" con người trong quá trình khai thác tự do tài nguyên thiên nhiên và để lại những dấu ấn suy thoái nghiêm trọng về môi trường tự nhiên mà người dân phải gánh chịu

Trước thực trạng trên, ngày 3-12-2003 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Trong đó, đã nêu vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường nhằm góp phần quan trọng vào công tác bảo vệ môi trường ở các địa phương, tăng cường ý thức bảo vệ môi trường của mỗi người dân trong cộng đồng

Trong lịch sử phát triển của đất nước, các cộng đồng dân tộc ở Việt Nam đã có truyền thống lâu đời trong việc sống hài hoà với thiên nhiên, bảo vệ môi trường, vừa bảo tồn thiên nhiên vừa khai thác một cách hợp lý. Trong bảo vệ rừng và sử dụng bền vững tài nguyên, cộng đồng đã có nhiều kinh nghiệm, nhiều phương pháp sáng tạo, trong đó có việc quy định các hương ước nhằm bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên rừng đi đôi với giữ gìn đa dạng sinh học cho thế hệ đang sống và các thế hệ tương lai. Ví dụ như người Mông ở huyện Bát xát, người Dao ở huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia vào việc qui định bảo tồn các loài động vật hoang dã; người Êđê, Gia Lai ở Tây Nguyên và người Khmer ở An Giang, Sóc Trăng thể hiện vai trò trong việc quản lý, bảo vệ rừng.

Ngoài ra, các cộng đồng địa phương còn rất linh hoạt trong việc khai thác, sử dụng nguồn vốn để bảo vệ môi trường. Đây là biện pháp mang tính thực tiễn, vừa trực tiếp tạo ra nguồn vốn, vừa nâng cao ý thức của người dân. Một số mô hình như: hoạt động công ích chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải. Các nguồn vốn được cộng đồng sử dụng quay vòng, hỗ trợ một số điều kiện kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường. Sử dụng vốn quay vòng góp phần thực hiện công bằng xã hội và nâng cao tình đoàn kết trong cộng đồng. Quỹ Môi trường Sida (SEF) cũng đã tham gia tài trợ hàng trăm dự án cho các cộng đồng, trong đó hàng chục dự án đã sử dụng có kết quả hình thức vốn quay vòng.

Trong quá trình phát triển của đất nước các hoạt động bảo vệ môi trường của cộng đồng đang diễn ra ở khắp nơi do nhận thức của công chúng về môi trường ngày càng được nâng cao. Phong trào tình nguyện cũng là một hoạt động từ các cộng đồng ở cơ sở. Có nhiều phong trào rộng lớn của các tổ chức xã hội lớn, nhưng cũng có những phong trào nhỏ, lẻ ở từng làng xã, phố phường; thậm chí có cả những người tình nguyện thầm lặng cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, từ việc trồng cây xanh, bảo vệ đa dạng sinh học cho tới các chiến dịch khắc phục hậu quả thiên tai

Để huy động sự tham gia của các cộng đồng thì vấn đề giáo dục, nâng cao nhận thức môi trường cho nhân dân là rất cần thiết. Giáo dục ở đây bao gồm cả giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài xã hội. Giáo dục môi trường trong nhà trường đang được triển khai dưới sự chỉ đạo của Chính phủ trong kế hoạch từ nay đến 2010. Giáo dục môi trường ngoài xã hội rất đa dạng và thực hiện theo nhiều hình thức sinh động, bao gồm các hình thức giáo dục do các hội, các đoàn thể tổ chức, các hình thức do cộng đồng tổ chức, và các hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng... Để làm được điều nầy, thì việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường là nhu cầu hết sức cấp bách. Trong đó, cộng đồng địa phương sẽ dần đóng vai trò nòng cốt trong công tác bảo vệ môi trường.

DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC SEF TRỢ GIÚP NĂM 2005

SEF/01/05	Giáo dục môi trường trong trường học tại Hà Nội. Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên (ENV).
SEF/02/05	Nâng cao sự hiểu biết và năng lực tổ chức các hoạt động BVMT cho cán bộ, cộng tác viên Trung tâm hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương, Hội đồng đội và đội ngũ phụ trách thiếu nhi các cấp. Trung tâm hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương.
SEF/03/05	Nâng cao nghiệp vụ truyền thông cho các tuyên truyền viên về môi trường thông qua biên soạn và phổ biến cuốn "Sổ tay hướng dẫn công tác truyền thông môi trường". Mạng lưới Giáo dục, Đào tạo và Truyền thông môi trường Việt Nam.
SEF/04/05	Báo Khoa học và Đời sống với việc nâng cao năng lực của cộng đồng trong bảo vệ môi trường. Báo Khoa học và Đời sống.
SEF/05/05	Nghiên cứu đề xuất một số biện pháp quản lý môi trường trong lĩnh vực vệ sinh và an toàn thực phẩm. Hội BVMT Công nghiệp.
SEF/06/05	Tổng hợp và phổ biến một số mô hình tiên tiến về cam kết môi trường của cộng đồng. Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam.
SEF/07/05	Hội thảo Quốc gia về vai trò của hệ sinh thái rừng ngập mặn và rạn san hô trong việc giảm nhẹ tác động của đại dương đến môi trường. Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn – Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường.
SEF/08/05	Tập huấn nâng cao nhận thức cho giáo viên vùng ven biển có rừng ngập mặn. Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn – Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường.
SEF/9/05	Nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và năng lực xây dựng chương trình nghị sự 21 tại cấp huyện, tỉnh Ninh Bình. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình.
SEF/10/05	Mở rộng mô hình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cải thiện đời sống của dân tộc Sán Dìu 4 xã vùng đệm vườn quốc gia Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Hội Phụ nữ huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.
SEF/11/05	Nâng cao nhận thức cho cộng đồng người H'Mông về bảo vệ môi trường tại xã Tả Văn Chư, Bắc Hà, Lào Cai. Hội Nông dân xã Tả Văn Chư, Bắc Hà, Lào Cai.
SEF/12/05	Xây dựng năng lực cho các Trung tâm Học tập Cộng đồng ở Thái Bình bằng việc đưa giáo dục môi trường vào nội dung học tập trong các TTHTCĐ. Hội khuyến học tỉnh Thái Bình.
SEF/13/05	Nâng cao năng lực quản lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại các cộng đồng dân cư vùng nông thôn Nghệ An. Trung tâm Thông tin-Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Nghệ An.
SEF/14/05	Duy trì nhân rộng và phát huy sáng kiến xây dựng mô hình trường xanh, sạch, đẹp trên địa bàn huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Phòng Giáo dục huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
SEF/15/05	Nâng cao năng lực cho Chi hội Bảo tồn Thiên Nhiên Thừa Thiên Huế và Mạng lưới các Câu lạc bộ Trại thiên nhiên nhằm duy trì và phát triển bền vững mô hình giáo dục bảo tồn thông qua hình thức Trại Thiên nhiên. Chi Hội Bảo tồn Thiên nhiên Thừa Thiên Huế.
SEF/16/05	Nghiên cứu khả năng phát triển du lịch sinh thái cộng đồng thành sinh kế bề vững cho người dân tại Khu bảo tồn biển Rạn Trào, Vạn Ninh, Khánh Hoà. Liên Minh Sinh vật biển Việt Nam (IMA).
SEF/17/05	Xây dựng bến nước và thu gom rác thải trong các hộ đồng bào dân tộc ở buôn Ju, xã Ea Tu, TP Buôn Ma Thuột, Đak Lak. Hội Chữ Thập đỏ xã Ea Tu, TP Buôn Ma Thuột, Đak Lak.
SEF/18/05	Mô hình tập huấn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho lực lượng thanh niên Chữ Thập đỏ xung kích trong tỉnh Cà Mau. Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Cà Mau.
SEF/19/05	Xây dựng mô hình điểm về ứng dụng canh tác hữu cơ vào sản xuất rau sạch có gắn nhãn sinh thái và sự tham gia của người tiêu dùng (thí điểm trên cây bắp cải tím và cây xà lách). Phòng Môi trường và Phát triển cộng đồng-Trung tâm năng suất Việt Nam.
SEF/20/05	Cải thiện môi trường và sức khoẻ tại Trường Tiểu học Tân Thanh, xã Tân Long, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Hội Chữ Thập đỏ tỉnh Sóc Trăng.

Mở rộng và phát triển các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường cho phụ nữ dân tộc các xã vùng đệm Vườn Quốc gia Tam Đảo

Vườn Quốc gia Tam Đảo đã được thành lập từ năm 1986 với diện tích 19.000 ha và được đề xuất mở rộng lên 36.838 ha. VQG Tam Đảo có vùng đệm 1.000 ha, có tiềm năng du lịch cao, song cũng có mối đe doạ cao về săn bắn và khai thác gỗ trái phép.

Cũng như nhiều VQG khác của Việt Nam, VQG Tam Đảo cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn từ vùng đệm. Đó là sự gia tăng dân số nhanh chóng, thiếu đất nông nghiệp cho người nông dân canh tác, cuộc sống của nhân dân vùng đệm phụ thuộc nhiều vào việc vào rừng săn bắt động vật, khai thác lâm sản, lấy măng, củi, chặt phá rừng bừa bãi, rừng đầu nguồn bị phá hoại nghiêm trọng dẫn đến diện tích rừng hoang, đồi núi trọc ngày một tăng. Đó cũng là trình độ nhận thức về bảo tồn và bảo vệ môi trường vùng đệm và VQG còn thấp.

Ở huyện Tam Đảo, phụ nữ là nhóm người có vai trò rất quan trọng, chiếm tỷ lệ khá lớn trong dân số của huyện. Đây là lực lượng có vai trò rất quan trọng trong việc tham gia bảo vệ môi trường sinh thái. Để gìn giữ và phát triển bền vững môi trường sinh thái vùng đệm và VQG Tam Đảo, để phát huy kết quả dự án do Quỹ Môi trường Sida (SEF) trợ năm 1999 tại 3 thôn thuộc xã Hồ Sơn, cần phải duy trì các hoạt động và phát triển lên một tầm cao mới với quy mô lâu dài và bền vững. Hội phụ nữ huyện Tam Đảo đã đề xuất và tiếp tục được tài trợ dự án "Nhân rộng mô hình nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống cho phụ nữ các xã trong vùng đệm VQG Tam Đảo"- SEF/10/2005 Sau một năm thực hiện, dự án đã triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả như tập huấn và cung cấp tài liệu về bảo vệ môi trường cho gần 200 đại diện các đoàn thể và 500 chị em phụ nữ dân tộc ở các thôn vùng ven rừng thuộc xã Minh Quang, Hợp Châu, Hồ Sơn, Tam Quan. Nội dung tập huấn và tài liệu giới thiệu về giá trị và tầm quan trọng của rừng đối với từng cá nhân và mỗi gia đình, nguyên nhân và thực trạng về môi trường vùng đệm VQG Tam Đảo, vai trò của cộng đồng về việc bảo vệ môi trường, thực trạng và giải pháp phát triển mô hình VAC hệ sinh thái. Để gắn với thực tiễn, chị em còn được tham quan mô hình thực tiễn rút kinh nghiệm nhằm phát triển mô hình trồng cây su su nâng cao thu nhập đem lại hiệu quả kinh tế cao, tham gia vệ sinh định kỳ đường làng ngõ xóm, thu gom rác thải. Bên cạnh đó đã dự án đã hỗ trợ thành lập và tổ chức lễ ra mắt 11 câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ, môi trường. Mỗi câu lạc bộ có 40-70 người tham gia và các hội viên câu lạc bộ đã trở thành những tuyên truyền viên nhiệt tình về bảo vệ môi trường cho mọi tầng lớp nhân dân. Tham gia sinh hoạt của câu lạc bộ chị em được giao lưu văn hoá văn nghệ, diễn kịch, viết báo tường, trao đổi kinh nghiệm về các chủ đề về sản xuất, đời sống gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật xây lắp bếp lò cải tiến và hỗ trợ vốn xây dựng được 300 bếp đun tiết kiệm củi cho chị em phụ nữ và được chị em hết sức ủng hộ. Thông qua vận động nhân dân xây dựng bếp không khói, tiết kiệm nhiên liệu đã hạn chế việc người dân vào rừng chặt củi.

Các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đáng ghi nhận là đã tạo được mạng lưới những người phụ nữ yêu môi trường vì môi trường để góp phần hạn chế các hành vi phá rừng làm nương rẫy, chặt cây lấy củi, xả rác bừa bãi, săn bắt các loại động vật hoang dã, đốt tổ ong và mang vật liệu dễ cháy vào rừng. Tuy nhiên, để bảo vệ tốt môi trường ở đây hơn nữa thì phải làm tốt công tác nâng cao đời sống của người dân để họ giảm bớt sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên được bảo vệ cũng sẽ tạo nhiều cơ hội phát triển mạnh các dịch vụ tham quan du lịch, góp phần phát triển kinh tế của địa phương.

Bùi Thị Thanh Thủy

Người phụ nữ Sán Dìu tham gia công tác bảo vệ môi trường

Bùi Thị Thanh Thủy

Chị là Lăng Thị Leo, Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc. Chị nói rằng nơi chị đang sống trước kia là rừng rậm. Hổ về phải leo lên gác chuồng trâu để ở. Năm 1962, dân các nơi lên khai hoang phá rừng làm nương bãi, rừng mới mất, nay còn lại toàn đồi trọc.

Hồ Sơn là một xã miền núi, 50% là người Sán Dìu, là xã nghèo trong huyện, ruộng ít, thu nhập gia đình dựa vào chăn nuôi là chính. Trước đây sống dựa vào rừng, nay là rừng cấm quốc gia. Cái nghèo kéo theo cái dốt, làm ăn lu-ẩn quẩn, đời sống không khá lên được. Hiểu biết kém thi không thể làm ăn hiệu quả, nâng cao được đời sống, bảo vệ được môi trường. Trẻ em, người lớn lại bỏ làng đi làm thuê hoặc lại tìm cách vào rừng chặt cây, khai thác lâm sản.

Chị và Hội Phụ nữ xã đã thảo luận và đi đến nhất trí là cần tìm mọi biện pháp nâng cao nhận thức đưa kiến thức khoa học và đời sống đến với mỗi gia đình, từ đó giúp chị em sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên ở địa phương, bảo vệ môi trường, sạch làng, tốt ruộng. Mong muốn và quyết tâm của các chị đã được tiếp thêm sức mạnh nhờ sự hỗ trợ của Quỹ Môi trường Sida năm 1999. Dự án chỉ hỗ trợ hoạt động trong 1 năm và trao quyền cho người dân tự thực hiện và giải quyết vấn đề của chính mình. Dự án tập trung nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động cụ thể như trồng cây gì thì tốt cho môi trường và đời sống. Các chị chủ động tổ chức các lớp tập huấn và mời chuyên gia về giảng dạy để phổ biến các kiến thức khoa học bảo vệ và phục hồi môi trường, khuyến khích sự tự nguyện tham của người dân. Lớp tập huấn về xây dựng mô hình sản xuất VACR được đông đảo chị em hưởng ứng. Chị em được học kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp mang lại ích cho gia đình, đảm bảo phát triển bền vững. Bên cạnh đó, còn có lớp tập huấn cho giáo viên cấp 1, 2 trong xã kết hợp giáo dục môi trường với các môn học nhằm nâng cao nhận thức trong lớp trẻ những người mà chị Leo nói rằng sẽ thay các chi mở mang và phát triển vùng đất này.

Để thúc đẩy phong trào các chị đã phát hơn 500 tranh và sách tuyên truyền cho các gia đình; tổ chức diễu hành cổ động cho phong trào phục hội môi trường, sạch làng tốt ruộng có 500 người tham gia trong đó có 400 phụ nữ; đã thành lập câu lạc bộ phụ nữ xã, sinh hoạt vàongày rằm hàng tháng. Câu lạc bộ phổ biến các kiến thức khoa học kỹ thuật, chủ yếu là nông nghiệp và môi trường, tổ chức vui văn hoá văn nghệ,….Câu lạc bộ là nơi chị em trình bày các ý kiến, nguyện vọng, chia sẻ kinh nghiệm… Bên cạnh đó, thông qua câu lạc bộ dự án dành một phần kinh phí hỗ trợ cho 32 hộ chăn nuôi, trồng cây, thả cá, theo hình thức quay vòng vốn. Các chị em tham gia sinh hoạt câu lạc bộ và tham gia tốt các hoạt động bảo vệ môi trường sẽ tự lựa chọn người nào được hỗ trợ vốn trước. Các hoạt động này ở một xã miền núi có tác dụng rất tích cực.

Đến nay, nhận thức bảo vệ môi trường được nâng cao, chị em nắm được các kiến thức cơ bản về sản xuất nông lâm ngư, có tác dụng tích cực đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Hàng năm trồng thêm hàng nghìn cây xanh lên đồi gồm cây bản địa các loại cây ăn quả để phủ xanh đất trống đồi trọc. Hàng tháng việc tổng vệ sinh đường làng ngõ xóm đã thành nếp, nhiều cụ trong làng đã nêu gương tốt cho con cháu, có cụ thu gom những vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật vì sợ vương vãi độc hại cho cây cối và sức khoẻ. Vốn quay vòng vẫn được bảo tồn và nhân rộng cho 120 lượt chị em.

Chị Leo nói rằng "Người Sán Dìu chúng tôi ý thức được rằng, nếu không bảo vệ tốt môi trường thì hậu quả xấu sẽ giáng xuống đầu chúng tôi và con cháu" " Nơi tôi ở từ xa xưa không thấy các cụ truyền lại những câu chuyện cổ tích hay huyền thoại của mảnh đất này. Nhưng tôi tin, rồi đây bọn trẻ sẽ thay chúng tôi viết nên huyền thoại mới của quê hương"

Một số hình ảnh các hoạt động của Quỹ Môi Trường Sida

MỘT SỐ TÀI LIỆU DO **SEF** XUẤT BẢN

Tên sách	Đơn vị phối hợp xuất bản	Năm xuất bản
Môi trường qua những bức tranh	Trung tâm phát triển công nghệ và điều tra tài nguyên	1998
Sổ tay hướng dẫn vệ sinh môi trường ở nông thôn		1999
Tập bài giảng về Bảo tồn thiên nhiên và phát triển bền vững	Hội KHKT lâm nghiệp Việt Nam	1999
Người dân với mô hình sản xuất bảo vệ môi trường	Hội thông tin Khoa học Kỹ thuật Hà Nội	2000
Hoa sen - tập thơ chuyên đề " Bảo vệ môi trường kết hợp phát triển kinh tế - bảo vệ sức khỏe"	CLB người cao tuổi xã Tam Đồng, Mê Linh, Vĩnh Phúc	2001
Bảo vệ môi trường để đất nước phát triển bền vững	Hội nhà Báo	2002
Kỷ yếu diễn đàn lần thứ II: "Cộng đồng địa phương tham gia công tác bảo vệ môi trường"		2003
Trại thiên nhiên	Chi hội bảo tồn thiên nhiên Huế	2003
Suy nghĩ và hành động bảo vệ và phát triển rừng	Viện kinh tế sinh thái	2004
Kỷ yếu hội thảo "Nhân rộng mô hình Khu bảo tông biển Rạn Trào do địa phương quản lý"	Liên minh sinh vật biển Quốc tế (IMA - Việt Nam)	2004
Kỷ yếu hội thảo "Học sinh và thanh niên với môi trường"		2005
Diễn đàn tri thức "Cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường		2005
Sổ tay công tác truyền thông môi trường	Mạng lưới truyền thông Việt Nam	2005
Những trò chơi về môi trường cho thiếu nhi	Trung tâm HDHĐ thiếu nhi trung ương	2005
Những bài hát và kịch bản truyền thông về môi trường cho thiếu nhi	Trung tâm HDHĐ thiếu nhi trung ương	2005
Kỷ yếu diễn đàn " Thiếu nhi với công tác bảo vệ môi trường)	Trung tâm HDHĐ thiếu nhi trung ương	2005
Kỷ yếu hội thảo "Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại vùng nông thôn Nghệ An	Ban tuyên giáo tỉnh ủy Nghệ An	2005
Những tấm lòng vì môi trường	Báo Khoa học và Đời sống	2005
Sức khỏe và vệ sinh môi trường (H'mong, Ê đê, Khmer)	Đài tiếng nói Việt Nam	2000, 2003

Internet và cơ hội cho bà con nông dân

Theo TechnoAid

Khoảng 75% dân số nước ta là nông dân đang sinh sống, lao động tại nông thôn. Sản phẩm nông nghiệp của bà con nông dân đang chịu nhiều áp lực từ chất lượng sản phẩm và công nghệ cao của các quốc gia phát triển, giá cả cạnh tranh của những quốc gia có thị trường lớn. Với xu hướng hội nhập nền kinh tế toàn cầu, những rào cản bảo hộ cho các sản phẩm nội địa dần dần bắt buộc phải bị dỡ bỏ. Vì vậy, việc phát triển nông thôn phải đi đôi với hiện đại hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hơn, tạo ra sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh tốt hơn. Trong Chương trình trọng điểm quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2005-2010 của Bộ Bưu chính Viễn thông đề ra dự án "Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin nông thôn" do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ thông tin cho nông dân (giá nông sản, thông tin về kỹ thuật, giống,...) tức là tạo được dịch vụ công, xây dựng chính phủ điện tử phục vụ nông dân và phát triển nông thôn. Theo Quyết định 246/2005/QĐ-TTG ngày 6/10/2005 của Thủ tướng chính phủ Phan Văn Khải đã ký phê duyệt chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2020 có chỉ rõ là để phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phải Xây dựng và phát triển công dân điện tử: Đảm bảo trên 80% thanh niên ở các thành phố, thị xã, thị trấn có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và khai thác Internet; Từng bước đưa công nghệ thông tin và truyền thông vào đời sống của nông dân, thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị; Người dân được truy cập thông tin và tri thức kịp thời thông qua phát thanh, truyền hình, Internet và các trang thông tin điện tử.

Giải pháp chủ yếu dành cho nông thôn là:

- *Xây dựng hệ thống thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn*
- *Phát triển hệ thống các điểm Bưu điện văn hoá xã và các điểm truy cập Internet công cộng. Đưa Internet đến 100% các điểm Bưu điện văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng, phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào nông nghiệp và phát triển nông thôn.*

Đưa Internet về xã

Tính đến hết quý II/2005, trong số 10.782 xã, thị trấn trên toàn quốc, thì số điểm bưu điện văn hóa xã (BĐVHX) được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động là gần 8.000 điểm. Trong đó 1819 xã/2.374 xã nghèo, đặc biệt khó khăn có điểm BĐVHX, chiếm gần 80% là một nỗ lực lớn của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) trong việc đưa dịch vụ bưu chính viễn thông đến với những người dân ở vùng sâu, vùng xa. Năm 2004, dự án "Đưa Internet về các vùng nông thôn" đã được VNPT triển khai tại các điểm BĐVHX. Sau 1 năm VNPT triển khai giai đoạn I, với tổng kinh phí gần 28 tỷ đồng, đã có 2.000 điểm BĐVHX có dịch vụ Internet với 2.200 máy tính nối mạng, trong đó, 1.800 điểm sử dụng hình thức Internet quay số trực tiếp, 200 điểm sử dụng đường truyền tốc độ cao ADSL. Hiện doanh thu từ dịch vụ Internet đã chiếm 14,1% tổng số doanh thu từ các dịch vụ của điểm BĐVHX. Giải pháp đưa Internet về nông thôn của VNPT là bước khởi đầu giúp cho người nông dân, đặc biệt là lớp thanh, thiếu niên nông thôn tiếp cận với máy tính và Internet.

Để có được một điểm BĐVHX đi vào hoạt động, ngoài sự hỗ trợ của các bộ, ngành liên quan cũng như các địa phương, VNPT đã đầu tư trung bình 65 triệu đồng cho mỗi điểm BĐVHX, những xã vùng cao, vùng sâu số tiền đầu tư có thể phát sinh lên tới cả trăm triệu đồng. Từ khi có điểm BĐVHX, khoảng cách bình quân tới các điểm giao dịch bưu điện của người nông dân đã giảm từ 8 – 10km xuống còn 1,6 km.

Bà con nông dân có thể làm gì với Internet?

- Đưa sản phẩm lên mạng: giới thiệu và chào bán nông sản, vật tư, dịch vụ sản xuất nông nghiệp.
- Tìm hiểu, chia sẻ thông tin khuyến nông: cập nhật và chia sẽ những thông tin định hướng sản xuất, kỹ thuật sản xuất, thời tiết, thị trường, giá cả.
- Sử dụng các thư viện điện tử trực tuyến: học hỏi thêm thông tin phục vụ đời sống, thủ tục hành chính, sức khỏe, học tập, giải trí.

Những khó khăn và thách thức

- Cơ sở hạ tầng: hệ thống internet chưa phổ biến đối với nông dân.
- Đa số lao động nông nghiệp có trình độ văn hoá thấp, thu nhập thấp, chưa được phổ cập tin học.
- Thông tin về nông nghiệp trên Internet bằng tiếng Việt quá ít .
- Khả năng thay đổi tư duy: thay đổi kinh nghiệm truyền thống sản xuất bằng kiến thức khoa học tiên tiến, hiện đại từ internet

Theo kết quả điều tra về tình hình phát triển Internet tại tất cả các quốc gia trên thế giới được Quĩ nghiên cứu Internet GOV3 của Anh công bố tại Hội nghị thượng đỉnh xã hội thông tin toàn cầu, Việt Nam nằm thứ ba trong nhóm các quốc gia tiên phong về tốc độ phát triển mạng lưới Internet với số người sử dụng Internet tăng hơn 27% trong bốn năm vừa qua. Hiện tại có hơn 10% dân số sử dụng Internet. Tuy nhiên chỉ số tiếp cận số (DAI) không cao, do trình độ sử dụng thấp, ít các ứng dụng thiết thực. Tỉ l ệ tăng trưởng Internet rất cao nhưng phần lớn Internet chỉ được sử dụng tại các thành phố lớn như Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Lượng truy cập mạng Internet của Việt Nam còn rất thấp so với khu vực và thế giới. Giá cả truy cập internet còn khá cao so với thu nhập của người dân. Tốc độ và chất lượng truy cập mạng còn rất thấp. Nội dung thông tin trên nhiều trang web tiếng Việt còn rất ít, không hấp dẫn, tương tác thấp, không được cập nhật thường xuyên trừ các trang web báo chí.

Một số trang web cho bà con nông dân

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
http://www.mard.gov.vn/

Chuyên đề Nông nghiệp
http://www.agriviet.com

Chuyên trang dành cho nông dân, Cổng thông tin phát triển Việt Nam
http://vietnamgateway.org/vanhoaxa/index.htm

Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
http://www.agroviet.gov.vn

Cục Thú Y
http://www.mard.gov.vn/dah/

Hội Nông dân Việt Nam
http://www.hoinongdan.org.vn

Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Cổng thông tin phát triển Việt Nam
http://vndgkhktnn.vietnamgateway.org/

Mạng An ninh lương thực và Giảm nghèo
http://www.cifpen.org/

Nông thôn Việt Nam
http://www.nongthon.net

Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Sóc Trăng
http://www.nongnghiepsoctrang.gov.vn

Sở Nông nghiệp và PTNT Tp. Hồ Chí Minh
http://sonongnghiep.hochiminhcity.gov.vn

Tổ chức Nông nghiệp và Lương thực Thế giới
http://www.fao.org.vn

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia
http://www.khuyennongvn.gov.vn/

Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật cho nông thôn và miền núi
http://www.technoaid.org

Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp
http://www.cares.org.vn

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
http://www.vaas.org.vn/

Quỹ Môi trường Sida

Quỹ Môi trường Sida (SEF) được Đại sứ quán Thụy Điển thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/1997. SEF được thành lập nhằm:

- Nâng cao nhận thức và khuyến khích sự đóng góp của người dân vào công tác bảo vệ môi trường và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên
- Tăng cường năng lực cho các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức địa phương hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Các hoạt động được SEF tài trợ bao gồm:

- Nâng cao năng lực và hỗ trợ xây dựng thể chế cho các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức địa phương;
- Các sáng kiến địa phương và các dự án thử nghiệm ở quy mô nhỏ;
- Nâng cao nhận thức về môi trường và hình thành phong trào bảo vệ môi trường tại cộng đồng;
- Xây dựng mạng lưới và trao đổi kinh nghiệm;
- Phổ biến thông tin thông qua các hình thức ấn phẩm, phát hành tài liệu, sách tham khảo, bản tin, … trên phạm vi toàn quốc.

Cơ quan phát triển quốc tế Thụy Điển

Cơ quan phát triển quốc tế Thụy Điển (Sida) là cơ quan chính phủ trực thuộc Bộ Ngoại Giao Thụy Điển. Mục tiêu của Sida là thúc đẩy nâng cao mức sống của người nghèo và trong dài hạn, là xoá nghèo. Sida là tổ chức có hoạt động ở phạm vi toàn cầu với trụ sở chính ở Thụy Điển và văn phòng đại diện ở hơn 50 quốc gia trên thế giới.

Kết Nối – Bản tin nội bộ của Quỹ Môi trường Sida

Địa chỉ: P.308 – A17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (04) 7262 134 * Tel/Fax: (04) 7262 135
Email: *thuysef@ hn.vnn.vn*

Biên tập: Trịnh Lê Nguyên
Thiết kế: Nghiêm Hoàng Anh